TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2017/DS-PT
Ngày: 14-8-2017
V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mỹ Giang
Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến
Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tấn Thịnh – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi***: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2017/TLPT- DS ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 348/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng C
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.
Địa chỉ: Tòa nhà C5, khu Bán đảo L, phường H, quận H1, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh N, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch huyện M chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Quảng Ngãi (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền thường xuyên số: 1792/QĐ-NHCS, ngày 09/06/2015).
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị V, sinh năm 1934
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hựu, sinh năm 1948

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2017)

Trú tại: Khu dân cư số 18, thôn Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị P (Tên gọi khác Nguyễn Thị Kim P), sinh năm 1960

Ông Võ D, sinh năm 1952

Chị Võ Thị Kim C1, sinh năm 1989

Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Khu dân cư số 19, thôn Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2016 các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Vào ngày 25/6/2010 bà Trần Thị V, đại diện hộ gia đình có đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch huyện M chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Quảng Ngãi với số tiền gốc 15.000.000 đồng, lãi suất vay 0,65%/tháng, hạn trả cuối cùng ngày 17/04/2015; bà Nguyễn Thị P là người thừa kế. Đến thời hạn trả nợ, bà Trần Thị V không trả nợ đúng như cam kết đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc với bà V, nhưng bà vẫn không chịu trả. Vì vậy, ngày 18/04/2015 Phòng giao dịch huyện M chi nhánh Ngân hàng C đã chuyển số tiền 15.000.000 đồng sang nợ quá hạn.

Để thu hồi vốn cho ngân sách nhà nước, Ngân hàng C yêu cầu bà Trần Thị V phải trả dứt điểm số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 19/5/2017 là 4.986.165 đồng.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị V trình bày:

Vào năm 2010, Phòng giao dịch huyện M, Ngân hàng C có dự án cho phụ nữ nghèo vay vốn. Bà đứng chủ hộ có áp chỉ vào thủ tục vay vốn để vay số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi bò sinh sản, con gái bà là bà Nguyễn Thị P là người thừa kế, trực tiếp nhận tiền và sử dụng tiền, bà không sử dụng số tiền này; bà P là người trả lãi cho Ngân hàng đến tháng 7/2013 thì không trả lãi cho Ngân hàng nữa. Đến ngày 15/5/2015, Uỷ ban nhân dân xã Đ1 cùng Ngân hàng C phòng giao dịch huyện M có mời bà và bà Nguyễn Thị P đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để giải quyết, có kết luận và yêu cầu bà P trả dứt điểm tiền cho Ngân hàng, nhưng bà P vẫn không trả. Đến ngày 31/5/2016, Hội phụ nữ xã, tổ vay vốn, trưởng thôn Đ có đến nhà bà lập biên bản. Sau đó Tòa án nhân dân huyện M triệu tập bà và bà P đến giải quyết thì bà P đồng ý trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà phải trả số nợ gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 19/5/2017 là 4.986.165 đồng. Bà không sử dụng số tiền này nên bà không đồng ý trả; bà Nguyễn Thị P là người nhận tiền và sử dụng tiền vay của Ngân hàng nên bà P phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại đơn trình bày ngày 02/01/2017, biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào ngày 25/6/2010, mẹ bà Trần Thị V đứng tên vay tiền tại Ngân hàng C phòng giao dịch huyện M với số tiền 15.000.000 đồng, bà là người thừa kế; mẹ bà nhận tiền vay, còn bà là người đếm lại. Vì bà là trụ cột gia đình, nên số tiền vay này bà sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình, chứ không mua bò để nuôi. Từ khi nhận tiền vay, bà là người trả tiền lãi cho Ngân hàng đến tháng 10/2014 thì không trả nữa, lý do là kinh tế gia đình khó khăn và bà phát hiện biên bản làm việc ngày 24/6/2014 mã số khách hàng không đúng với sổ vay vốn của bà Trần Thị V. Trước đây bà đồng ý trả nợ thay cho mẹ (Bà Trần Thị V) nhưng nay bà không đồng ý, ai vay tiền thì người đó phải trả.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị P chung sống từ năm 1984 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn. Hiện nay ông đăng ký hộ khẩu tại thôn L, xã Đ2 nhưng cư trú cùng bà P tại thôn Đ, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Ông không biết việc bà Trần Thị V đứng tên vay tiền tại Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện M và bà Nguyễn Thị P thừa kế. Việc sử dụng tiền vay thế nào thì giữa bà V và bà P, ông không biết và không sử dụng số tiền này; thời điểm năm 2010 con gái ông là Võ Thị Kim C1 và Võ Thị Thu T đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, không sử dụng số tiền này.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp địa chỉ hiện nay của chị C1 và chị T nhưng các đương sự không cung cấp nên Tòa án không làm việc được.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 19/5/2017 của Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Trần Thị V.

Buộc bà Trần Thị V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 19.986.165 đồng. Trong đó tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/5/2017 là 4.986.165 đồng; đồng thời phải tiếp tục trả lãi theo khế ước vay vốn số 6000003500023093, ngày 25/6/2010 đã ký kết với Ngân hàng C kể từ ngày 20/5/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, bà Trần Thị V kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST, ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, buộc các thành viên trong hộ của bà V (5 người) cùng có nghĩa vụ trả nợ chung số tiền 19.986.165 đồng cho Ngân hàng C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị V làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị P đồng ý trả nợ cho Ngân hàng C thay cho bà V, bà V không có khả năng trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc trả nợ thay cho bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Bút lục số 61) và bản sao sổ vay vốn mã khách hàng 3505050438 (Bút lục số 62) xác định cá nhân bà Trần Thị V có ký kết hợp đồng vay Ngân hàng C *(Sau đây viết tắt là Ngân hàng)* số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 25/6/2010, thời hạn vay 3 năm, lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 0,845%/tháng, hợp đồng được gia hạn trả đến ngày 17/4/2015, bà Nguyễn Thị P (Là con gái bà V) ký tên với tư cách là người thừa kế. Bà V là người áp chỉ nhận tiền, việc bà V đưa tiền cho người khác sử dụng là việc cá nhân của bà V. Đến hạn bà V không trả được nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn là đúng quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà V về việc buộc các thành viên trong hộ bà V cùng có nghĩa vụ trả nợ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P tự nguyện trả nợ cho Ngân hàng thay cho bà V với điều kiện bà V phải viết giấy giao cho bà trách nhiệm trả nợ thay theo sổ vay vốn mã khách hàng 3505050438; người đại diện theo ủy quyền của bà V cho rằng bà P là thành viên trong hộ gia đình bà V, tiền vay bà P nhận về chi tiêu chung cho hộ gia đình nên bà P phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với bà V, bà V không đồng ý viết giấy giao nợ theo yêu cầu của bà P. Xét đề nghị của bà P về việc thế nghĩa vụ trả nợ vay của Ngân hàng cho bà V nhưng không được sự đồng ý của bên có quyền là Ngân hàng, vì

vậy không đủ điều kiện chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không công nhận.

[3] Số tiền gốc 15.000.000 đồng các bên đương sự đều thừa nhận còn nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P trình bày bà là người trực tiếp trả lãi thay cho bà V từ khi vay đến tháng 9/2014 và cung cấp 26 bản sao biên lai thu lãi với tổng số tiền đã trả là 3.214.750 đồng; Ngân hàng cung cấp bảng theo dõi giao dịch tiền vay thể hiện số tiền lãi bà V đã trả là 3.885.500 đồng. Tuy số tiền lãi đã trả từ ngày 25/6/2010 đến ngày 31/01/2014 bà P cung cấp biên lai chỉ có 2.814.000 đồng nhưng Ngân hàng là bên có quyền công nhận bà V đã trả 3.584.750 đồng thì bên có nghĩa vụ là bà V không phải chứng minh. Trong Bảng theo dõi tiền vay do Ngân hàng cung cấp ghi năm 2014 bà V chỉ trả 02 lần tiền lãi: Ngày 17/6/2014 số tiền 200.000 đồng và ngày 17/9/2014 số tiền 100.750 đồng; bà P cung cấp 03 biên lai thu lãi năm 2014, ngoài số tiền như trong Bảng theo dõi tiền vay thì có một biên lai ngày 16/7/2014 số tiền 100.000 đồng. Do đó, số tiền lãi bà V đã trả là 3.985.500 đồng chứ không phải 3.885.500 đồng như Ngân hàng trình bày. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm buộc bà V phải trả 15.000.000 đồng tiền gốc và 4.886.165 đồng tiền lãi vay cho Ngân hàng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Bà V là người cao tuổi, có công với cách mạng và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà V là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị V, sửa bản án sơ thẩm.

Buộc bà Trần Thị V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C số tiền 19.886.165 đồng (Mười chín triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/5/2017) là 4.886.165 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/5/2017) bà V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức

lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Bà Trần Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- TAND huyện M
- Chi cục THADS huyện M
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Giang

Các thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Võ Minh Tiến Trịnh Thị Thu Lan **Lê Thị Mỹ Giang**